

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**CHÍNH PHỦ**

**Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022
quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường**

(Tiếp theo Công báo số 175 + 176)

Phụ lục XXIV**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG
DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ)*

**BỘ TÀI NGUYÊN
VÀ MÔI TRƯỜNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

Hà Nội, ngày... tháng... năm...

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG****BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số.../NĐ-CP ngày... tháng... năm... của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số.../NĐ-CP ngày... tháng... năm... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ kết quả thẩm định về việc cấp/điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường đối với...(1)...

Theo đề nghị của...(2)....

CHỨNG NHẬN:

1. (1).....

Địa chỉ:..... (3).....

Điện thoại:.....; Fax:.....; Email:.....

Đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường theo phạm vi chứng nhận tại Phụ lục kèm theo.

2. Mã số chứng nhận: VIMCERTS....

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày... tháng... năm.....

4. ...(1).... phải thực hiện đầy đủ quy định về chứng nhận theo Nghị định số... ngày... tháng... năm... của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, các quy định pháp luật hiện hành và quan trắc theo đúng phạm vi được chứng nhận.

Nơi nhận:

- ...(1)....;
- ... (4)....;
- Nơi nhận khác (nếu có);
- Lưu:...

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

*(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/
chữ ký số của cơ quan, tổ chức)*

Họ và tên**Ghi chú:**

(1) Tên đầy đủ của tổ chức đề nghị cấp/điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

(2) Thủ trưởng cơ quan được giao xử lý hồ sơ cấp/điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

(3) Địa chỉ văn phòng và địa chỉ phòng thí nghiệm của tổ chức đề nghị cấp/điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

(4) Cơ quan được giao xử lý hồ sơ cấp/điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

Phụ lục
PHẠM VI ĐƯỢC CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Đối với... (1)...

*(Kèm theo Giấy chứng nhận số... ngày... tháng... năm...
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

[Tên nền mẫu môi trường]

- Đo đạc tại hiện trường:

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo
1			
2			
3			
...			

- Lấy và bảo quản mẫu:

TT	Loại mẫu	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng
1		
2		
3		
...		

- Xử lý và phân tích mẫu môi trường:

TT	Thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo
1			
2			
3			
...			

Phụ lục XXV
MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ)*

...(1)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...

..., ngày... tháng... năm...

ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường.

1. Tên tổ chức:.....

2. Người đại diện:..... Chức vụ:.....

3. Địa chỉ:.....

4. Số điện thoại:..... Số fax:.....

Địa chỉ Email:.....

5. Phạm vi, thành phần môi trường đề nghị chứng nhận:

a) Nước (phụ lục thông số và phương pháp quan trắc, phân tích gửi kèm theo)

- Nước mặt: ☐

- Nước dưới đất: ☐

- Nước mưa: ☐

- Nước biển: ☐

- Nước thải: ☐

- Khác:.....

b) Không khí (phụ lục thông số và phương pháp quan trắc, phân tích gửi kèm theo)

- Không khí xung quanh: ☐

- Khí thải: ☐

- Khí thải phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ☐

- Khác:.....

c) Đất (phụ lục thông số và phương pháp quan trắc, phân tích gửi kèm theo)

d) Trầm tích (phụ lục thông số và phương pháp quan trắc, phân tích gửi kèm theo)

đ) Chất thải (phụ lục thông số và phương pháp quan trắc, phân tích gửi kèm theo)

e) Bùn (phụ lục thông số và phương pháp quan trắc, phân tích gửi kèm theo)

g) Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy (phụ lục thông số và phương pháp quan trắc, phân tích gửi kèm theo)

6. Hồ sơ đề nghị chứng nhận, gồm:

-

-

-

-

-

...(1)... cam đoan toàn bộ các thông tin trong hồ sơ là đúng sự thật và sẽ thực hiện đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định về chứng nhận.

...(1)... cam kết tuân thủ mọi quy định kỹ thuật về quy trình, phương pháp quan trắc môi trường do Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định; xây dựng, thực hiện và duy trì chương trình bảo đảm chất lượng, kiểm soát chất lượng phù hợp với phạm vi hoạt động quan trắc môi trường....(1)... xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam nếu vi phạm các quy định về chứng nhận và quan trắc môi trường.

Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, cấp Giấy chứng nhận.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA...(1)...
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú: (1) Tên tổ chức đề nghị cấp Giấy chứng nhận.

Phụ lục XXVI
MẪU HỒ SƠ NĂNG LỰC CỦA TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP,
ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ)

...(1)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...

..., ngày... tháng... năm...

HỒ SƠ NĂNG LỰC CỦA
TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

A. THÔNG TIN CHUNG

I. Tên tổ chức đề nghị chứng nhận

Địa chỉ:.....

Số điện thoại:..... Số Fax:.....

Địa chỉ Email:..... Website:.....

II. Cơ quan chủ quản (nếu có)

Địa chỉ:.....

Số điện thoại:..... Số Fax:.....

Địa chỉ Email:..... Website:.....

III. Người đại diện theo pháp luật

Địa chỉ:.....

Số điện thoại:..... Số Fax:.....

Địa chỉ Email:.....

IV. Người liên lạc

Địa chỉ:.....

Số điện thoại:..... Số Fax:.....

Địa chỉ Email:.....

(Bản chính hoặc bản sao có chứng thực Quyết định của cấp có thẩm quyền quy định chức năng, nhiệm vụ của tổ chức hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư; trường hợp là doanh nghiệp nước ngoài phải có Quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh tại Việt Nam gửi kèm theo).

B. THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC**I. Lĩnh vực quan trắc hiện trường**

1. Số mẫu tiến hành (đối với đơn vị đã đi vào hoạt động)

- Số mẫu tiến hành (tính trung bình của 3 năm gần nhất):... mẫu/năm

(Liệt kê theo từng thành phần môi trường đề nghị chứng nhận)

- Nguồn mẫu (tích vào ô trống nếu thích hợp):

+ Nội bộ ☐ Chiếm %+ Khách hàng bên ngoài ☐ Chiếm %

2. Nhân sự

Danh sách người thực hiện quan trắc tại hiện trường:

TT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức vụ (trong tổ chức)	Trình độ, chuyên ngành đào tạo	Số năm công tác trong ngành

(Bản sao có chứng thực các văn bằng, chứng chỉ và hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng kèm theo).

3. Danh mục thiết bị (hiện có)

TT	Tên thiết bị	Đặc tính kỹ thuật chính	Mục đích sử dụng	Số hiệu (Serial number)	Hãng/nước sản xuất	Thời gian bắt đầu sử dụng	Tần suất kiểm tra	Tần suất hiệu chuẩn	Nơi hiệu chuẩn	Thời hạn hiệu chuẩn

- Điều kiện phòng bảo quản thiết bị:

+ Nhiệt độ: °C ± °C

+ Độ ẩm: % ± %

+ Điều kiện khác:

4. Thông số và các phương pháp lấy mẫu, đo, phân tích tại hiện trường

a) Thông số đo, phân tích tại hiện trường:

TT	Tên thông số	Thành phần môi trường	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Dải đo

b) Lấy và bảo quản mẫu:

TT	Tên thông số/Loại mẫu	Thành phần môi trường	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng

5. Điều kiện về trụ sở, diện tích làm việc

- Trụ sở làm việc:

Có ☐ Không ☐

- Tổng diện tích:..... m²;

- + Phòng làm việc:..... m²;
- + Phòng chuẩn bị trước khi đi quan trắc hiện trường:..... m²;
- + Phòng bảo quản thiết bị, dụng cụ:..... m²;
- + Phòng xử lý và lưu trữ số liệu:..... m²;
- + Khu phụ trợ:..... m².

6. Các tài liệu kèm theo

- Sổ tay chất lượng
- Phương pháp quan trắc, phân tích tại hiện trường/hiệu chuẩn ☐
- Các tài liệu liên quan khác: *(đề nghị liệt kê)* ☐

II. Lĩnh vực phân tích môi trường

1. Số mẫu tiến hành (đối với đơn vị đã đi vào hoạt động)

- Số mẫu tiến hành (tính trung bình của 3 năm gần nhất):..... mẫu/năm

(Liệt kê theo từng thành phần môi trường đăng ký chứng nhận)

- Nguồn mẫu (tích vào ô tương ứng):

+ Nội bộ ☐ Chiếm %

+ Khách hàng bên ngoài ☐ Chiếm %

2. Nhân sự

- Danh sách người thực hiện phân tích tại phòng thí nghiệm:

TT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức vụ	Trình độ, chuyên ngành đào tạo	Số năm công tác trong ngành

(Bản sao có chứng thực các văn bằng, chứng chỉ và hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng kèm theo)

3. Tiện nghi và môi trường

- Đề nghị cung cấp sơ đồ mặt bằng phòng thí nghiệm và vị trí các thiết bị phân tích môi trường.

- Điều kiện môi trường phòng thí nghiệm:

+ Nhiệt độ: $^{\circ}\text{C} \pm ^{\circ}\text{C}$

+ Độ ẩm: $\% \pm \%$

4. Danh mục thiết bị (hiện có)

TT	Tên thiết bị	Đặc tính kỹ thuật chính	Mục đích sử dụng	Số hiệu (Serial number)	Hãng/nước sản xuất	Thời gian bắt đầu sử dụng	Tần suất kiểm tra	Tần suất hiệu chuẩn	Nơi hiệu chuẩn	Thời hạn hiệu chuẩn

5. Thông số và các phương pháp xử lý, phân tích mẫu

TT	Tên thông số	Loại mẫu	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo	Độ không đảm bảo đo

6. Điều kiện về trụ sở, diện tích làm việc

- Trụ sở làm việc:

Có ☐ Không ☐

- Tổng diện tích:..... m²;

+ Phòng làm việc:..... m²;

- + Phòng xử lý và phân tích mẫu:..... m²;
- + Phòng bảo quản thiết bị, dụng cụ:..... m²;
- + Kho chứa mẫu:..... m²;
- + Kho hóa chất:..... m²;
- + Phòng đặt cân:..... m²;
- + Khu phụ trợ:..... m².

(Kèm theo sơ đồ vị trí địa lý và sơ đồ bố trí trang thiết bị phân tích của phòng thí nghiệm).

7. Các tài liệu kèm theo

- Sổ tay chất lượng ☐
- Báo cáo đánh giá nội bộ phòng thí nghiệm của lần gần nhất ☐
- Danh mục hồ sơ, phương pháp thử/hiệu chuẩn/giám định nội bộ ☐
- Danh mục các thủ tục, quy trình, hồ sơ thực hiện bảo đảm chất lượng và kiểm soát chất lượng ☐
- Danh mục các tài liệu liên quan khác: ☐

8. Phòng thí nghiệm đã được chứng nhận/công nhận trước đây:

Có ☐ Chưa ☐

(Nếu có, đề nghị photo bản sao có chứng thực các chứng chỉ kèm theo)

NGƯỜI LẬP HỒ SƠ
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA...(1)...
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú: (1) Tên tổ chức đề nghị cấp Giấy chứng nhận

Phụ lục XXVII**MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ)

...(1)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...

..., ngày... tháng... năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường.

1. Tên tổ chức:.....
2. Người đại diện:..... Chức vụ:.....
3. Địa chỉ:.....
4. Số điện thoại:..... Số fax:.....
- Địa chỉ Email:.....
5. Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường số:...
ngày... tháng... năm...
6. Phạm vi, thành phần môi trường được chứng nhận:
 - a) Nước (phụ lục thông số và phương pháp quan trắc, phân tích gửi kèm theo)
 - Nước mặt: ☐
 - Nước dưới đất: ☐
 - Nước mưa: ☐
 - Nước biển: ☐
 - Nước thải: ☐
 - Khác:.....
 - b) Không khí (phụ lục thông số và phương pháp quan trắc, phân tích gửi kèm theo)

- Không khí xung quanh: ☐

- Khí thải: ☐

- Khí thải phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ☐

- Khác:.....

c) Đất (phụ lục thông số và phương pháp quan trắc, phân tích gửi kèm theo)

d) Trầm tích (phụ lục thông số và phương pháp quan trắc, phân tích gửi kèm theo)

đ) Chất thải (phụ lục thông số và phương pháp quan trắc, phân tích gửi kèm theo)

e) Bùn (phụ lục thông số và phương pháp quan trắc, phân tích gửi kèm theo)

g) Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy (phụ lục thông số và phương pháp quan trắc, phân tích gửi kèm theo)

7. Phạm vi, thành phần môi trường đăng ký điều chỉnh nội dung:

a) Nước (phụ lục thông số và phương pháp quan trắc, phân tích gửi kèm theo)

- Nước mặt: ☐

- Nước dưới đất: ☐

- Nước mưa: ☐

- Nước biển: ☐

- Nước thải: ☐

- Khác:.....

b) Không khí (phụ lục thông số và phương pháp quan trắc, phân tích gửi kèm theo)

- Không khí xung quanh: ☐

- Khí thải: ☐

- Khác:.....

c) Đất (phụ lục thông số và phương pháp quan trắc, phân tích gửi kèm theo)

d) Trầm tích (phụ lục thông số và phương pháp quan trắc, phân tích gửi kèm theo)

đ) Chất thải (phụ lục thông số và phương pháp quan trắc, phân tích gửi kèm theo)

e) Bùn (phụ lục thông số và phương pháp quan trắc, phân tích gửi kèm theo)

g) Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy (phụ lục thông số và phương pháp quan trắc, phân tích gửi kèm theo)

8. Giấy chứng nhận đã được cấp có hiệu lực đến: ngày... tháng... năm...

9. Hồ sơ đề nghị điều chỉnh nội dung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường bao gồm:

-

...(1)... cam đoan toàn bộ các thông tin trong hồ sơ là đúng sự thật và sẽ thực hiện đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và mọi quy định về chứng nhận.

Tổ chức cam kết tuân thủ mọi quy định kỹ thuật về quy trình, phương pháp quan trắc môi trường do Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định; xây dựng, thực hiện và duy trì chương trình bảo đảm chất lượng, kiểm soát chất lượng phù hợp với phạm vi hoạt động quan trắc môi trường. Tổ chức xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam nếu vi phạm các quy định về chứng nhận và quan trắc môi trường.

Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, điều chỉnh Giấy chứng nhận.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA...(1)...
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú: (1) Tên tổ chức đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận

Phụ lục XXVIII

**DỰ ÁN, CƠ SỞ, KHU SẢN XUẤT, KINH DOANH, DỊCH VỤ TẬP TRUNG, CỤM CÔNG NGHIỆP
XẢ NƯỚC THẢI RA MÔI TRƯỜNG PHẢI THỰC HIỆN QUAN TRẮC TỰ ĐỘNG, LIÊN TỤC**

(Kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ)

STT	Loại hình dự án, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp	Thông số quan trắc chính của hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục	Lưu lượng	
			(4)	(5)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp (bao gồm cả các dự án, cơ sở bên trong được miễn trừ đầu nối, xả trực tiếp nước thải ra môi trường); hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu kinh tế (nếu có)	Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), pH, nhiệt độ, TSS, COD hoặc TOC, Amoni.	Có xả nước thải ra môi trường	
2	Dự án, cơ sở thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này	Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), pH, nhiệt độ, TSS, COD hoặc TOC, Amoni (trừ trường hợp loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ không phải kiểm soát Amoni theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường về nước thải).	Từ 500 m ³ /ngày (24 giờ) trở lên	Từ 200 đến dưới 500 m ³ /ngày (24 giờ)

3	Dự án, cơ sở không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này	Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), pH, nhiệt độ, TSS, COD hoặc TOC, Amoni (trừ trường hợp loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ không phải kiểm soát Amoni theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường về nước thải).	Từ 1.000 m ³ /ngày (24 giờ) trở lên	Từ 500 đến dưới 1.000 m ³ /ngày (24 giờ)
---	--	--	--	---

Phụ lục XXIX

DỰ ÁN, CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH, DỊCH VỤ XẢ BỤI, KHÍ THẢI CÔNG NGHIỆP RA MÔI TRƯỜNG
PHẢI THỰC HIỆN QUAN TRẮC TỰ ĐỘNG, LIÊN TỤC, QUAN TRẮC ĐỊNH KỲ
(Kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ)

STT	Tên dự án, cơ sở	Công trình, thiết bị xả bụi, khí thải	Thông số quan trắc của hệ thống, thiết bị quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục	Lưu lượng hoặc công suất của công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	Dự án, cơ sở thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường xả bụi, khí thải công nghiệp lớn ra môi trường phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục, quan trắc định kỳ				
1	Sản xuất gang, thép, luyện kim (trừ cán, kéo, đúc từ phôi nguyên liệu)	Lò điện hồ quang (EAF), lò điện cảm ứng (lò trung tần), lò tinh luyện (LF)	Lưu lượng, áp suất, nhiệt độ, O ₂ , Bụi, NOx, SO ₂ , CO	Từ 100.000 m ³ /giờ (tính cho tổng lưu lượng của các công trình, thiết bị cùng loại) trở lên	Từ 50.000 đến dưới 100.000 m ³ /giờ (tính cho tổng lưu lượng của các công trình, thiết bị cùng loại)
		Máy thiêu kết	Lưu lượng, áp suất, nhiệt độ, O ₂ , bụi, SO ₂ , NOx		
		Lò chuyển thổi ôxy (BOF)	Lưu lượng, áp suất, nhiệt độ, bụi, SO ₂ , NOx, CO		
		Thiết bị đúc	Lưu lượng, áp suất, nhiệt độ, bụi		
		Lò nung chảy, gia nhiệt khác sử dụng nhiên liệu dầu FO, than	Lưu lượng, áp suất, nhiệt độ, O ₂ , bụi, SO ₂ , NOx, CO		

2	Sản xuất hóa chất vô cơ cơ bản (trừ khí công nghiệp), phân bón vô cơ và hợp chất nơ tơ (trừ phối trộn, sang chiết, đóng gói), thuốc bảo vệ thực vật hóa học (trừ phối trộn, sang chiết)	Thiết bị tái sinh xúc tác	Lưu lượng, áp suất, nhiệt độ, bụi	Từ 100.000 m ³ /giờ (tính cho tổng lưu lượng các công trình, thiết bị cùng loại) trở lên	Từ 50.000 đến dưới 100.000 m ³ /giờ (tính cho tổng lưu lượng của các công trình, thiết bị cùng loại)
		Thiết bị xử lý SO ₂ , thu hồi lưu huỳnh	Lưu lượng, áp suất, nhiệt độ, SO ₂		
		Thiết bị đốt CO (công đoạn cracking dầu)	Lưu lượng, áp suất, nhiệt độ, O ₂ , bụi, SO ₂ , NOx, CO		
		Thiết bị sản xuất axit sulfuric	Lưu lượng, áp suất, nhiệt độ, SO ₂		
		Thiết bị sản xuất axit phosphoric	Lưu lượng, áp suất, nhiệt độ, HF		
		Thiết bị sản xuất hợp chất flo	Lưu lượng, áp suất, nhiệt độ, HF		
		Thiết bị sản xuất axit cloridric	Lưu lượng, áp suất, nhiệt độ, HCl		
		Thiết bị đốt, nung, nung chảy sử dụng nhiên liệu dầu FO, than	Lưu lượng, áp suất, nhiệt độ, O ₂ , bụi, SO ₂ , NOx, CO		
		Thiết bị sản xuất phân đạm	Lưu lượng, áp suất, nhiệt độ, bụi, NH ₃		
		Thiết bị sản xuất phân bón hỗn hợp (trừ phối trộn)	Lưu lượng, áp suất, nhiệt độ, bụi, NH ₃		
		Sản xuất, thu hồi axit nitric	Lưu lượng, áp suất, nhiệt độ, NOx		

3	Loại, hóa dầu	Thiết bị gia nhiệt	Lưu lượng, áp suất, nhiệt độ, O ₂ , NOx và SO ₂ khi sử dụng dầu	Từ 100.000 m ³ /giờ (tính cho tổng lưu lượng của các công trình, thiết bị cùng loại) trở lên	Từ 50.000 đến dưới 100.000 m ³ /giờ (tính cho tổng lưu lượng của các công trình, thiết bị cùng loại)
		Thiết bị xử lý khí đuôi	Lưu lượng, áp suất, nhiệt độ, O ₂ , SO ₂		
		Thiết bị đốt khí CO (công đoạn tái sinh xúc tác)	Lưu lượng, áp suất, nhiệt độ, O ₂ , bụi, SO ₂ , NOx, CO		
4	Tái chế, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại; sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất	Lò đốt chất thải nguy hại; lò đốt chất thải y tế	Lưu lượng, áp suất, nhiệt độ (buồng đốt sơ cấp, thứ cấp và ống khói), O ₂ , bụi, SO ₂ , NOx, HCl, CO	Tổng công suất các lò đốt từ 2.000 kg/giờ trở lên	Tổng công suất các lò đốt từ 500 kg/giờ đến dưới 2.000 kg/giờ
		Lò đốt chất thải rắn sinh hoạt, lò đốt chất thải rắn công nghiệp thông thường	Lưu lượng, áp suất, nhiệt độ (buồng đốt sơ cấp, thứ cấp và ống khói), O ₂ , bụi, SO ₂ , NOx, HCl, CO	Tổng công suất các lò đốt từ 5.000 kg/giờ trở lên	Tổng công suất các lò đốt từ 3.000 kg/giờ đến dưới 5.000 kg/giờ
		Lò nung xi măng đồng xử lý chất thải (theo xi măng)	Lưu lượng, áp suất, nhiệt độ, O ₂ , bụi, NOx, HCl		
		Lò hơi, lò gia nhiệt sử dụng nhiên liệu dầu FO, than đá	Lưu lượng, áp suất, nhiệt độ, O ₂ , bụi, SO ₂ , NOx, CO	Từ 100.000 m ³ /giờ (tính cho tổng lưu lượng của các công trình, thiết bị cùng loại) trở lên	Từ 50.000 đến dưới 100.000 m ³ /giờ (tính cho tổng lưu lượng của các công trình, thiết bị cùng loại)
		Thiết bị tạo hạt nhựa	Lưu lượng, áp suất, nhiệt độ, Benzen, Stylen, Etylen oxýt Propylen oxýt (theo nhựa phế liệu)		

		Thiết bị đốt, nung, nung chảy	Lưu lượng, áp suất, nhiệt độ, O ₂ , bụi, SO ₂ , NOx, CO	Tổng công suất các thiết bị, lò nung từ 500 kg/giờ đến dưới 1.000 kg/giờ	
		Thiết bị, lò nung nấu tái chế chì	Lưu lượng, áp suất, nhiệt độ, O ₂ , bụi, SO ₂ , NOx, HCl, CO	Tổng công suất các thiết bị, lò nung từ 1.000 kg/giờ trở lên	
		Thiết bị luyện cốc (công nghệ có thu hồi sản phẩm phụ)	Lưu lượng, áp suất, nhiệt độ, O ₂ , Bụi, SO ₂ , NOx	Từ 50.000 đến dưới 100.000 m ³ /giờ (tính cho tổng lưu lượng của các công trình, thiết bị cùng loại)	
		Thiết bị luyện cốc (công nghệ không thu hồi sản phẩm phụ)	Lưu lượng, áp suất, nhiệt độ, O ₂ , bụi, SO ₂ , NOx, CO	Từ 100.000 m ³ /giờ (tính cho tổng lưu lượng của các công trình, thiết bị cùng loại) trở lên	
		Thiết bị đập cốc khô (CDQ)	Lưu lượng, áp suất, nhiệt độ, bụi		
		Thiết bị khí hóa than	Lưu lượng, áp suất, nhiệt độ, O ₂ , SO ₂ , NOx, CO		
5	Sản xuất than cốc; sản xuất khí than	Thiết bị đốt (trừ nhà máy nhiệt điện sử dụng hoàn toàn nhiên liệu là khí đốt, dầu DO)	Lưu lượng, áp suất, nhiệt độ, O ₂ , bụi, SO ₂ , NOx, CO	Tổng công suất phát điện dưới 50 MW	
6	Nhiệt điện	Lò nung	Lưu lượng, áp suất, nhiệt độ, O ₂ , bụi, NOx, CO	Tổng công suất phát điện từ 50 MW trở lên	
7	Sản xuất xi măng	Thiết bị làm nguội clinker, nghiền than, nghiền xi măng	Lưu lượng, áp suất, nhiệt độ, bụi	Từ 50.000 đến dưới 100.000 m ³ /giờ (tính cho tổng lưu lượng của các công trình, thiết bị cùng loại) trở lên	

8	Dự án, cơ sở khác quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.	Thiết bị đốt, nung, nung chảy, gia nhiệt, lò hơi, lò dầu tải nhiệt sử dụng dầu FO, than đá	Lưu lượng, áp suất, nhiệt độ, O ₂ , bụi, SO ₂ , NOx, CO	Từ 100.000 m ³ /giờ (tính cho tổng lưu lượng của công trình, thiết bị cùng loại) trở lên	Từ 50.000 đến dưới 100.000 m ³ /giờ (tính cho tổng lưu lượng của công trình, thiết bị cùng loại)
II	Dự án, cơ sở không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường xả bụi, khí thải công nghiệp lớn ra môi trường chỉ phải thực hiện quan trắc định kỳ				
9	Dự án, cơ sở không thuộc quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.	Lò, thiết bị đốt, nung, nung chảy, gia nhiệt; lò hơi, lò dầu tải nhiệt sử dụng dầu FO, than đá và các ống khói, ống thải bụi, khí thải công nghiệp khác	Lưu lượng, áp suất, nhiệt độ và các thông số ô nhiễm đặc trưng được quy định trong giấy phép môi trường.		Từ 50.000 m ³ /giờ trở lên (tính cho tổng lưu lượng của các công trình, thiết bị xả bụi, khí thải công nghiệp)

Phụ lục XXX
DANH MỤC HOẠT ĐỘNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐƯỢC ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ

*(Kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ)*

1. Dự án đầu tư thuộc ngành, nghề thu gom, xử lý, tái chế hoặc tái sử dụng chất thải bao gồm:

- a) Xử lý và tiêu hủy chất thải rắn (rác thải);
- b) Thu gom chất thải rắn (rác thải);
- c) Thu gom, xử lý nước thải;
- d) Tái chế hoặc tái sử dụng chất thải.

2. Doanh nghiệp sản xuất, cung cấp công nghệ, thiết bị, sản phẩm và dịch vụ phục vụ các yêu cầu về bảo vệ môi trường, bao gồm:

a) Cung cấp công nghệ xử lý chất thải kết hợp thu hồi năng lượng, công nghệ tiết kiệm năng lượng được đánh giá hoặc thẩm định hoặc có ý kiến theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ;

b) Cung cấp dịch vụ xử lý nước thải sinh hoạt; đồng xử lý chất thải rắn sinh hoạt; dịch vụ quan trắc môi trường xung quanh;

c) Sản xuất năng lượng sạch; năng lượng tái tạo; thiết bị quan trắc môi trường;

d) Sản xuất, cung cấp thiết bị xử lý nước thải sinh hoạt tại chỗ cho cơ sở sản xuất, kinh doanh quy mô hộ gia đình; sản phẩm, dịch vụ thân thiện môi trường được Bộ Tài nguyên và Môi trường chứng nhận Nhãn sinh thái Việt Nam;

đ) Sản phẩm được sản xuất từ hoạt động tái chế, xử lý chất thải đáp ứng các quy định của pháp luật chất lượng sản phẩm hàng hóa;

e) Sản xuất phương tiện giao thông công cộng, trừ phương tiện giao thông công cộng sử dụng dầu; sản xuất phương tiện giao thông sử dụng điện, năng lượng tái tạo, mức tiêu hao nhiên liệu thấp, phát thải thấp hoặc không phát thải; dịch vụ vận tải công cộng sử dụng năng lượng điện, nhiên liệu sạch, nhiên liệu tái tạo.

3. Hoạt động bảo vệ môi trường không phải là hoạt động đầu tư kinh doanh, bao gồm:

a) Đổi mới công nghệ, cải tạo, nâng cấp công trình xử lý chất thải để thực hiện lộ trình do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; áp dụng kỹ thuật tốt nhất hiện có sớm hơn lộ trình đối với trường hợp phải áp dụng hoặc tự nguyện áp dụng đối với trường hợp không phải áp dụng theo quy định của Nghị định này; hoàn thành việc lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải, bụi, khí thải công nghiệp tự động, liên tục sớm hơn lộ trình đối với trường hợp phải lắp đặt hoặc tự nguyện lắp đặt đối với trường hợp không phải lắp đặt theo quy định của Nghị định này;

b) Di dời hộ gia đình ra khỏi khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp;

c) Di dời cơ sở đang hoạt động để đáp ứng khoảng cách an toàn về môi trường hoặc để thực hiện lộ trình do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

d) Đầu tư phát triển vốn tự nhiên có khả năng tái tạo, cung cấp dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên; bảo vệ di sản thiên nhiên;

đ) Nghiên cứu, phát triển hệ thống thu gom và xử lý rác thải nhựa trôi nổi trên biển và đại dương;

e) Xử lý, cải tạo môi trường bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt.

Phụ lục XXXI
DANH MỤC NHÓM CÔNG NGHỆ, THIẾT BỊ, SẢN PHẨM
CỦA NGÀNH CÔNG NGHIỆP MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ)*

1. Thiết bị, sản phẩm để xử lý khí thải.
2. Thiết bị, sản phẩm để xử lý nước thải, tái sử dụng nước thải.
3. Thiết bị phân loại, thu gom, vận chuyển, tái chế, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại và các thiết bị tái chế chất thải, phế liệu khác.
4. Thiết bị để phá dỡ phương tiện giao thông đường bộ, đường thủy hết thời hạn sử dụng.
5. Thiết bị, phụ tùng thay thế phục vụ hệ thống xử lý chất thải, trạm trung chuyển và công trình bảo vệ môi trường khác.
6. Thiết bị đo lường, giám sát môi trường.
7. Thiết bị, sản phẩm phục vụ sản xuất năng lượng từ chất thải.
8. Hóa chất, chế phẩm sinh học, vật liệu, vật tư thay thế phục vụ xử lý chất thải, bảo vệ môi trường.
9. Thiết bị, sản phẩm phục vụ bảo tồn đa dạng sinh học.
10. Thiết bị, sản phẩm phục vụ khắc phục sự cố môi trường.
11. Thiết bị, sản phẩm khác phục vụ yêu cầu bảo vệ môi trường.
12. Công nghệ chế tạo, sản xuất thiết bị, sản phẩm quy định tại Phụ lục này.

Phụ lục XXXII
MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHỨNG NHẬN NHÃN SINH THÁI VIỆT NAM
(Kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ)

...(1)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

Địa danh, ngày... tháng... năm...

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Tên tổ chức/cá nhân đăng ký chứng nhận:.....

Người đại diện:..... Chức vụ:.....

Địa chỉ cơ sở sản xuất:.....

Số điện thoại:..... Fax:..... E-mail:.....

- Đề nghị chứng nhận Nhãn sinh thái Việt Nam đối với sản phẩm, dịch vụ:.....

- Hồ sơ đăng ký chứng nhận bao gồm:

(Liệt kê các tài liệu trong hồ sơ đăng ký chứng nhận theo danh mục hồ sơ quy định tại Điều... Nghị định này).

(1)... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và quy định của pháp luật khác có liên quan.

Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, chứng nhận sản phẩm, dịch vụ...(2)... đáp ứng các tiêu chí Nhãn sinh thái Việt Nam.

Tài liệu gửi kèm theo *(ngoài danh mục quy định tại Điều... Nghị định này, nếu có)*.

...(1)...

(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Ghi chú: (1) Tên tổ chức/cá nhân đề nghị chứng nhận Nhãn sinh thái Việt Nam;
(2) Tên sản phẩm, dịch vụ đề nghị chứng nhận Nhãn sinh thái Việt Nam.

Phụ lục XXXIII
MẪU BÁO CÁO SẢN PHẨM, DỊCH VỤ ĐÁP ỨNG TIÊU CHÍ
NHÂN SINH THÁI VIỆT NAM

(Kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
 ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ)

...(1)....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

Địa danh, ngày... tháng... năm...

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Căn cứ Nghị định số...../NĐ-CP ngày... tháng... năm.... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Tiêu chí Nhân sinh thái Việt Nam đối với sản phẩm, dịch vụ...(2)....,

(1)... đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, đánh giá sản phẩm, dịch vụ...(2)... của...(1)... đáp ứng các tiêu chí Nhân sinh thái Việt Nam, cụ thể như sau:

A. THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP VÀ THỰC TRẠNG SẢN XUẤT KINH DOANH

1. Tên tổ chức, cá nhân:.....

Địa chỉ:.....

Đại diện pháp lý:.....

Số điện thoại..... Fax:..... Email:.....

Địa chỉ website của tổ chức, cá nhân (nếu có):.....

Người liên hệ:.....

2. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: số... ngày... tháng... năm... do... cấp
 (Gửi kèm bản sao có công chứng giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và danh mục ngành nghề đăng ký kinh doanh)

3. Sản phẩm/dịch vụ đáp ứng tiêu chí Nhân sinh thái Việt Nam:

Tên sản phẩm/dịch vụ:.....

Nhãn hiệu nhận diện:.....

Sản lượng sản xuất (trường hợp đăng ký sản phẩm thân thiện với môi trường) trung bình... tấn/năm (Gửi kèm báo cáo sản xuất kinh doanh năm gần nhất).

4. Lao động hiện có:

- Số cán bộ làm việc toàn thời gian cố định tại tổ chức:

- Lao động làm việc theo thời vụ (tổng số tháng/người trong cả năm):

5. Mô tả về đặc tính sản phẩm/dịch vụ:

5.1. Mô tả về đặc tính kỹ thuật và quy trình công nghệ sản xuất (nếu là sản phẩm):

a) Chung loại và định mức nguyên liệu, nhiên liệu chính để sản xuất sản phẩm (liệt kê từng loại nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất cần sử dụng với chỉ dẫn cụ thể về: tên thương mại, công thức hóa học (nếu có).

b) Quy trình công nghệ sản xuất:

- Liệt kê các loại máy móc, thiết bị đang vận hành với chỉ dẫn cụ thể về: tên gọi, nơi sản xuất, năm sản xuất, tình trạng thiết bị (mới hay cũ, nếu cũ thì tỷ lệ còn lại là bao nhiêu phần trăm).

- Mô tả tóm tắt quy trình công nghệ sản xuất/vận hành của cơ sở kèm theo sơ đồ khối để minh họa.

5.2. Mô tả về hoạt động dịch vụ

- Mô tả mục đích dịch vụ.

- Mô tả việc sử dụng nguyên vật liệu, thiết bị, tiêu hao năng lượng để phục vụ việc cung cấp dịch vụ (đặc tính, định mức tiêu thụ, cách thức xử lý khi thải bỏ).

- Mô tả quy trình cung cấp dịch vụ.

5.3. Mô tả về kế hoạch thu hồi tái chế (đối với sản phẩm đăng ký chứng nhận là túi ni lông có độ dày > 30 micromet)

- Kế hoạch thu hồi sản phẩm sau khi thải bỏ: Mô tả về kế hoạch hay giải pháp để hạn chế lượng, phương pháp thu gom và xử lý chất thải phát sinh sau khi sử dụng sản phẩm; dự kiến khối lượng sản phẩm thải bỏ được thu hồi/đơn vị thời gian.

- Mô tả quy trình xử lý tái chế, khối lượng tái chế; dây chuyền công nghệ, nguyên vật liệu đầu vào và đặc tính kỹ thuật sản phẩm tái chế.

Trường hợp phối hợp các cơ sở liên kết thực hiện thu hồi hoặc tái chế sản phẩm thì đính kèm theo văn bản ký kết thỏa thuận/hợp đồng nguyên tắc và ghi đầy đủ các thông tin về cơ sở liên kết (thông tin chung về cơ sở, thủ tục pháp lý, năng lực của cơ sở và dự kiến khối lượng sản phẩm thu hồi hoặc tái chế...).

- Giải pháp bảo vệ môi trường trong quá trình thu hồi tái chế và sản xuất túi ni lông thân thiện với môi trường.

- Phương án đầu tư nguồn lực cho hoạt động thu hồi tái chế để sản xuất túi ni lông thân thiện với môi trường: nhân lực, trang thiết bị, dự trù kinh phí thực hiện...

B. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT TRONG LĨNH VỰC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện thủ tục môi trường:

- Liệt kê các hồ sơ, thủ tục môi trường đã thực hiện: Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Bản cam kết bảo vệ môi trường, Kế hoạch bảo vệ môi trường, Đề án bảo vệ môi trường chi tiết/đơn giản...

(Gửi kèm theo bản sao các quyết định phê duyệt, giấy xác nhận các hồ sơ, thủ tục nêu trên)

2. Hình thức, mức độ đã bị xử phạt vi phạm hành chính về môi trường (nếu có)

3. Mô tả công trình, biện pháp bảo vệ môi trường:

Mô tả rõ việc tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường và quản lý, xử lý từng loại chất thải phát sinh (nước thải, khí thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại) trong quá trình sản xuất (đối với sản phẩm) hoặc vận hành (đối với dịch vụ):

- Các nguồn chất thải (nước thải, khí thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại) và khối lượng chất thải phát sinh;

- Công trình, biện pháp xử lý/quản lý chất thải phát sinh (mô tả và thuyết minh rõ sơ đồ quy trình xử lý chất thải, các tài liệu kỹ thuật có liên quan);

- Công tác quản lý chất thải nguy hại: Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại do... cấp ngày... tháng.... năm...; Mã số chủ nguồn thải chất thải nguy hại; Báo cáo quản lý chất thải nguy hại định kỳ mới nhất.

(Gửi kèm theo các bản sao tài liệu liên quan như hợp đồng ký với đơn vị có chức năng, giấy phép hành nghề quản lý chất thải nguy hại, chứng từ chuyển giao chất thải nguy hại).

- Tần suất quan trắc và giám sát môi trường định kỳ.

(Gửi kèm theo báo cáo giám sát môi trường định kỳ mới nhất và các bản sao tài liệu liên quan).

C. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM ĐÁP ỨNG TIÊU CHÍ NHÂN SINH THÁI VIỆT NAM

1. Kết quả tự đánh giá sản phẩm/dịch vụ đáp ứng tiêu chí Nhân sinh thái Việt Nam

TT	Tiêu chí ban hành	Kết quả tự đánh giá mức độ đáp ứng tiêu chí	Kết quả thử nghiệm	Ghi chú
1	Tiêu chí 1		Mô tả tóm tắt kết quả thử nghiệm (nếu có)	
2	Tiêu chí 2		Mô tả tóm tắt kết quả thử nghiệm (nếu có)	
...	Tiêu chí n		Mô tả tóm tắt kết quả thử nghiệm (nếu có)	

2. Các thông tin khác (nếu có)

- Việc sử dụng tài nguyên, nguyên liệu, nhiên liệu, năng lượng thân thiện với môi trường:

Mô tả phương án hoặc chương trình mà doanh nghiệp đã hoặc đang áp dụng, tự đánh giá về hiệu quả kinh tế thông qua các phương án hoặc chương trình.

- Công trình, biện pháp và kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường và cháy, nổ:

Tự mô tả việc thực hiện các biện pháp phòng tránh các nguy cơ xảy ra sự cố, cháy, nổ theo các kịch bản hoặc phương án được phê duyệt, xác định những tiến bộ, ưu điểm và nhược điểm liên quan đến công tác phòng cháy nổ tại doanh nghiệp (mô tả rõ tiến độ thực hiện; kinh phí dự kiến; trách nhiệm thực hiện).

Với các nội dung trên đây,...(1)... đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường chứng nhận Nhân sinh thái Việt Nam đối với sản phẩm/dịch vụ...(2)...

...(1)...

(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Ghi chú: (1) Tên tổ chức, cá nhân đăng ký chứng nhận Nhân sinh thái Việt Nam;
(2) Tên sản phẩm, dịch vụ đề nghị chứng nhận Nhân sinh thái Việt Nam.

Phụ lục XXXIV
MẪU QUYẾT ĐỊNH CHỨNG NHẬN NHÃN SINH THÁI VIỆT NAM
(Kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ)

**BỘ TÀI NGUYÊN
VÀ MÔI TRƯỜNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:../QĐ-...

Địa danh, ngày... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chứng nhận Nhãn sinh thái Việt Nam đối với sản phẩm,
dịch vụ thân thiện với môi trường

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số...../NĐ-CP ngày..... tháng..... năm..... của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số.../NĐ-CP ngày..... tháng..... năm..... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số.../QĐ-BTNMT ngày..... tháng..... năm..... của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành tiêu chí Nhãn sinh thái Việt Nam;

Xét đề nghị của...(1)... tại Công văn/văn bản số... ngày... tháng... năm... về việc đề nghị chứng nhận Nhãn sinh thái Việt Nam đối với sản phẩm/dịch vụ thân thiện với môi trường;

Theo đề nghị của.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chứng nhận sản phẩm/dịch vụ... của...(1)... đáp ứng tiêu chí nhãn sinh thái Việt Nam.

Người đại diện pháp lý:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/đăng ký kinh doanh....

Địa chỉ trụ sở chính và cơ sở sản xuất:....

Mã số chứng nhận: VN-ECO-năm cấp-số thứ tự



Biểu tượng “Nhân sinh thái Việt Nam”.

Điều 2. ...(1)... thường xuyên thực hiện và duy trì việc đáp ứng tiêu chí nhãn sinh thái Việt Nam của sản phẩm/dịch vụ...(2)... như đã đăng ký và được chứng nhận theo quy định tại Nghị định... và các quy định hiện hành của pháp luật; định kỳ hằng năm lập báo cáo gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường để được hướng dẫn, kiểm tra.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực 03 năm kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và...(1)... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở TN&MT... (nơi có cơ sở sản xuất sản phẩm, dịch vụ được chứng nhận);
- Lưu: VT.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

*(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/
chữ ký số của cơ quan, tổ chức)*

Họ và tên

Ghi chú: (1) Tên tổ chức/cá nhân đề nghị chứng nhận Nhân sinh thái Việt Nam;
(2) Tên sản phẩm, dịch vụ được chứng nhận Nhân sinh thái Việt Nam.

Biểu tượng Nhân sinh thái Việt Nam

